

DỰ THẢO

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... (số nghị quyết sẽ được bổ sung sau) ngày 27 tháng 04 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

- Vai trò của Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo khoản 1 Điều 13 Điều lệ công ty;
- Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo Điều 14 Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo điểm b khoản 4 Điều 13 và khoản 1 Điều 17 Điều lệ công ty;

- b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 17 Điều lệ công ty;
 - c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo khoản 3 Điều 17 Điều lệ công ty;
 - đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - h) Điều kiện tiến hành: thực hiện theo Điều 18 Điều lệ công ty;
 - i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - k) Cách thức bỏ phiếu;
 - l) Cách thức kiểm phiếu;
 - m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua: thực hiện theo Điều 20 Điều lệ công ty
 - n) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);
 - p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty;
 - q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo khoản 4 Điều 22 Điều lệ công ty.
3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:
- a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: thực hiện theo khoản 1 Điều 21 Điều lệ công ty;
 - b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty.
4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:
- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - d) Điều kiện tiến hành;
 - đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
 - g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
 - h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Điều kiện tiến hành;

đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

e) Cách thức bỏ phiếu;

g) Cách thức kiểm phiếu;

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị): thực hiện theo Điều 26 Điều lệ công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo khoản 1, khoản 2, Điều 25 Điều lệ công ty;

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo khoản 3 Điều 25 Điều lệ công ty;

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 24 Điều lệ công ty;

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: thực hiện theo điểm i khoản 3 Điều 26 Điều lệ công ty.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 27 Điều lệ công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: thực hiện theo khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty;

- b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: thực hiện theo khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 29 Điều lệ công ty;
- c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định): thực hiện theo khoản 6 Điều 29 Điều lệ công ty;
- d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát: thực hiện theo khoản 7 Điều 29 Điều lệ công ty;
- đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: thực hiện theo khoản 8 Điều 29 Điều lệ công ty;
- e) Cách thức biểu quyết: thực hiện theo khoản 9, khoản 10 Điều 29 Điều lệ công ty;
- g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: thực hiện theo khoản 12 Điều 29 Điều lệ công ty;
- h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo khoản 11 Điều 29 Điều lệ công ty;
- i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị: Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ, trung thực. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản;
- k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị: Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp, được các thành viên Hội đồng quản trị dự họp và thư ký cuộc họp ký tên. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực;
- l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Thư ký chịu trách nhiệm thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ kể từ khi nghị quyết, quyết định được ban hành đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (qua email) và các bên liên quan.

5 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban;
- b) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:
- Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
- c) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty: thực hiện theo khoản 2 Điều 31 Điều lệ Công ty;

- b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: thực hiện theo khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty;
- c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần thiết nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động;
- d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty: thực hiện theo khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát: thực hiện theo Điều 38 Điều lệ công ty.
2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp) bao gồm các nội dung chính sau đây:
- a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát: thực hiện theo khoản 1 Điều 36 Điều lệ công ty;
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: thực hiện theo khoản 2 Điều 36 Điều lệ công ty;
- c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: thực hiện theo Điều 35 Điều lệ công ty;
- d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;
- đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: thực hiện theo khoản 3, khoản 4 Điều 36 Điều lệ công ty;
- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;
- g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát: thực hiện theo Điều 40 Điều lệ công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc: thực hiện theo khoản 2, khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty.
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:
- a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: thực hiện theo khoản 3 Điều 34 Điều lệ công ty;
- b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc: thực hiện theo điểm i khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty;
- c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: thực hiện theo điểm i khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 34 Điều lệ công ty;
- d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: thực hiện theo điểm i khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty;

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc: Công ty thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc Công ty theo quy định về chứng khoán;

e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc: thực hiện theo khoản 3 Điều 33 Điều lệ công ty.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc;

d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

đ) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;

g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác:

a) Phương thức, tiêu chí đánh giá hoạt động:

a.1. Phương thức đánh giá hoạt động:

a.1.1. Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức: Tự nhận xét, đánh giá; Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm; Cách thức khác do Hội đồng quản trị quyết định;

a.1.2. Đối với các cán bộ quản lý khác không thuộc đối tượng Hội đồng quản trị bổ nhiệm, thì Tổng Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá khi có yêu cầu.

a.2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a.2.1. Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công;

a.2.2. Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công;

a.2.3. Hội đồng quản trị đánh giá kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các người điều hành doanh nghiệp khác liên quan hàng năm dựa trên cơ sở đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát;

a.2.4. Đối với các cán bộ quản lý khác không thuộc đối tượng Hội đồng quản trị bổ nhiệm, thì Tổng Giám đốc quyết định việc đánh giá.

b) Khen thưởng, kỷ luật

b.1. Khen thưởng:

b.1.1. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b.1.2. Tổng Giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm;

b.1.3. Việc khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b.2. Kỷ luật:

b.2.1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, các người điều hành doanh nghiệp khác và các cán bộ quản lý khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định khác của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và Công ty;

b.2.2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm;

b.2.3. Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật lao động.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 bao gồm 7 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 04 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DỰ THẢO

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... (số nghị quyết sẽ được bổ sung sau) ngày 27 tháng 04 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PC3-INVEST, bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

3. Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu

bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều 28 Điều lệ công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị: thực hiện theo khoản 3 Điều 28 Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và các biên bản họp; nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên

được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 26 Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công

ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp của Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 29 Điều lệ công ty.

2. Trường hợp không tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi Phiếu lấy ý kiến hoặc thư điện tử và hồ sơ liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị. Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến hoặc thư điện tử và hồ sơ, thành viên Hội đồng quản trị phải có ý kiến phản hồi. Nếu quá thời gian 5 (năm) ngày làm việc mà không trả lời thì xem như thành viên Hội đồng quản trị đó không có ý kiến về vấn đề đã được yêu cầu biểu quyết.

Đối với các vấn đề do Tổng giám đốc trình xin ý kiến Hội đồng quản trị: Trong vòng 3 (ba) ngày làm việc, Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị, hoặc yêu cầu Công ty hoàn thiện lại trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Đối với những nội dung cần chỉ đạo của Hội đồng quản trị bằng văn bản, trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tổng giám đốc gửi văn bản báo cáo, Hội đồng quản trị sẽ có văn bản trả lời, trường hợp không trả lời thì Tổng giám đốc được phép thực hiện theo nội dung đã kiến nghị.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản địa chỉ thư điện tử của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ngoại trừ những trường hợp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải lấy ý kiến bằng văn bản, việc lấy ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị sẽ thực hiện bằng thư điện tử theo địa chỉ đã được đăng ký.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp, được các thành viên Hội đồng quản trị dự họp và thư ký cuộc họp ký tên. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Các nguyên tắc ban hành quyết định

- a) Đối với những vấn đề do Hội đồng quản trị quyết định: Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ban hành các quyết định, nghị quyết trên cơ sở nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua bằng các hình thức sau:

a.1. Trường hợp có tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị: Thể hiện bằng biên bản cuộc họp có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp.

a.2. Trường hợp tổ chức lấy ý kiến như nêu tại khoản 13, Điều 15 của Quy chế này, nếu đa số các thành viên Hội đồng quản trị tán thành thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị quyết định phê chuẩn ban hành. Các Phiếu lấy ý kiến hoặc thư điện tử của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được lưu tại Văn phòng công ty và được coi là biên bản họp Hội đồng quản trị.

b) Đối với những vấn đề Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định: Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Tổng giám đốc trình xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có ý kiến quyết định.

c) Đối với những vấn đề do Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định: Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo cho Hội đồng quản trị bằng văn bản hoặc gửi cho Hội đồng quản trị các quyết định mà Tổng giám đốc đã thực hiện theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 27 Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 04 năm 2021.

Hội đồng quản trị căn cứ Điều lệ công ty, các quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu nhiệm vụ của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể để ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị, phân cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc quyết định một số công việc về: tổ chức, nhân sự; quản lý tài chính, tài sản; đầu tư xây dựng; sửa chữa lớn các nhà máy thủy điện... để công tác tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động Công ty thông suốt và đạt hiệu quả cao.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH THAY ĐỔI GIỮA ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI VÀ DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI
(THEO ĐIỀU LỆ MẪU THÔNG TƯ SỐ 116/20120/TT-BTC NGÀY 31/12/2020 CỦA BỘ TÀI CHÍNH - TT116)**

TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
I	Thay đổi chung		
1	Gồm 21 chương, 57 Điều	Gồm 21 mục, 58 Điều	Theo Điều lệ mẫu - TT116
II	Thay đổi chi tiết		
1	Không quy định	Tiết h, khoản 1, Điều 1 Người quản lý doanh nghiệp: là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty	Bổ sung theo quy định TT116
2	Không quy định	Tiết o, khoản 1, Điều 1 Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con	Bổ sung theo quy định TT116
3	Khoản 2, Điều 7: Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp	Khoản 2, Điều 7: Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp	Điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp
4	Khoản 2, Điều 12: Không quy định	Bổ sung tại khoản 1, Điều 11 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: i. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;	Bổ sung thêm quyền cổ đông theo quy định tại TT 116

Ghi chú	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện tại	<p>Điều chỉnh phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>
	<p>K. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>L. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p>		
	<p>Điều chỉnh thành khoản 2 và 3, Điều 11 như sau:</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông; tổng số cổ phần của cá nhân cổ đông và tổng số cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; văn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>Khoản 3, Điều 12:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian hiện tức thì nhất (06) sâu thang có các quyền sau:</p> <p>a) đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định trong ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này.</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	

TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<p>tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>	
6	Không quy định	<p>Khoản 2, Điều 12:</p> <p>Cổ đông phổ thông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần</p>	Điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Luật Doanh nghiệp
7	<p>Khoản 2, Điều 18</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều chỉnh thành khoản 2, Điều 17</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p>	Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp
	<p>Khoản 3, Điều 18</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công</p>	<p>Điều chỉnh thành khoản 3, Điều 17</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên</p>	

TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
8	<p>ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 143 Luật Doanh nghiệp</p>
9	<p>Tiết b, khoản 5, Điều 18</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p>	<p>Điều chỉnh thành tiết b, khoản 5, Điều 17</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 142 Luật Doanh nghiệp</p>

TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
10	<p>Điều 19</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>Điều chỉnh thành Điều 18</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
11	<p>Không quy định</p>	<p>Bổ sung khoản 10, Điều 19</p> <p>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, TT 116</p>

TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
12	Tiết g, khoản 3, Điều 22 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điều chỉnh thành tiết g, khoản 3, Điều 21 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.	Điều chỉnh phù hợp với Điều 149 Luật Doanh nghiệp
13	Không quy định	Bổ sung tiết i, khoản 1, Điều 22: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Bổ sung phù hợp với Điều 150 Luật Doanh nghiệp
14	Khoản 1, Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm sát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ	Điều chỉnh thành khoản 1, Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của	Điều chỉnh phù hợp với Điều 151 Luật Doanh nghiệp

TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	đồng không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.	Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.	
15	<p>Khoản 1, Điều 26</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là sáu (06) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Được điều chỉnh thành khoản 1 và 2, Điều 25</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 05 đến 07 người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	Bổ sung phù hợp với quy định của Điều 154 Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán
16	<p>Khoản 2, Điều 25</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>Điều chỉnh thành khoản 2, Điều 24</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	Điều chỉnh phù hợp với khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp

TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
17	<p>Khoản 2, Điều 26</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều chỉnh thành khoản 3, Điều 25</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p>	<p>Bổ sung phù hợp với Luật Doanh nghiệp</p>
18	<p>Khoản 3, Điều 26</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p>Điều chỉnh thành khoản 4, Điều 25</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp Điều 160 Luật doanh nghiệp</p>

TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		
19	<p>Khoản 3, Điều 30</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>a. Ban kiểm soát.</p> <p>b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất từ 50% số người điều hành khác;</p> <p>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Các trường hợp khác (nếu có).</p>	<p>Điều chỉnh thành khoản 3, Điều 29</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác gồm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng phòng, ban, chi nhánh;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp</p>
20	<p>Không quy định</p>	<p>Khoản 9, Điều 29</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, TT 116</p>

TT	Điều lệ hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	
21	Không quy định	<p>Khoản 3, Điều 41</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	Bổ sung phù hợp Luật chứng khoán và ND 155/2020
22	<p>Tiết b, Khoản 5, Điều 40</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>Điều chỉnh thành tiết b, Khoản 6, Điều 41</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	Điều chỉnh phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Nghị định 155/2020

**MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH THAY ĐỔI GIỮA QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ (QTNB) HIỆN TẠI VÀ DỰ THẢO QUY CHẾ QTNB MỚI
(THEO QUY CHẾ QTNB MẪU THÔNG TƯ SỐ 116/20120/TT-BTC NGÀY 31/12/2020 CỦA BỘ TÀI CHÍNH - TT116)**

TT	Quy chế hiện tại	Nội dung Quy chế đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
I	Thay đổi chung		
1	Gồm 10 mục	Gồm 7 Điều	Theo quy chế mẫu - TT116
II	Thay đổi chi tiết		
1	Không quy định	Bổ sung tại Điều 2 về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung theo quy định TT 116
2	Điểm a, Mục 1 a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Tiết b, khoản 2, Điều 1: b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định mới của Luật doanh nghiệp
3	Điểm b, Mục 1 b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử	Tiết d, khoản 2, Điều 2 d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ);	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định mới của Luật doanh nghiệp

TT	Quy chế hiện tại	Nội dung Quy chế đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:		
4	Không quy định	Bổ sung tiết h, khoản 2, Điều 2: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tương tự như quy định tại Điều lệ	Bổ sung theo quy định TT 116
5	Không quy định	Bổ sung tiết m, khoản 2, Điều 2: Các điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tương tự như quy định tại Điều lệ	Bổ sung theo quy định TT 116
6	Điểm g, Mục 1: g) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp.	Tiết o, khoản 2, Điều 2 o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định mới của Luật doanh nghiệp
7	Điểm j, Mục 1 j.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau: j.3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty	Tiết b, khoản 3, Điều 2 b.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: b.2.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định mới của Luật doanh nghiệp
8	Không quy định	Bổ sung khoản 4, Điều 2: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết)	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định mới của Luật doanh nghiệp
9	Không quy định	Bổ sung khoản 1, Điều 3: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).	Bổ sung theo quy định TT 116

TT	Quy chế hiện tại	Nội dung Quy chế đề nghị sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
10	Không quy định	<p>Bổ sung tại tiết a, khoản 2, Điều 3: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 05 đến 07 người.</p> <p>a.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	Bổ sung theo quy định TT 116
11	Không quy định	<p>Bổ sung khoản 3, Điều 3: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị nội dung tương tự Điều lệ.</p>	Bổ sung theo quy định TT 116
12	Không quy định	<p>Tiết k, khoản 4, Điều 3.</p> <p>k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị: Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp, được các thành viên Hội đồng quản trị dự họp và thư ký cuộc họp ký tên. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.</p>	Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp

TỜ TRÌNH

Về việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán AAC; dự kiến kế hoạch năm 2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021, như sau:

I. Phân phối lợi nhuận năm 2020

TT	Nội dung	Số tiền
1	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	33.339.891
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (2.1-2.2)	19.738.910.171
2.1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	20.747.248.449
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.008.338.278
3	Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm 2019 chuyển sang	2.730.376.067
4	Lợi nhuận trích quỹ (2+3)	22.469.286.238
5	Phân phối các quỹ (5.1+5.2)	2.838.369.421
5.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3 tháng tiền lương bình quân thực hiện)	2.494.779.421
5.2	Quỹ thưởng của người quản lý công ty (1,5 tháng tiền lương, thù lao bình quân thực hiện)	343.590.000
6	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2021	2.960.971.317
7	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức (4-5-6)	16.669.945.500
8	Tỷ lệ cổ tức (7/1)	5%

II. Dự kiến kế hoạch năm 2021

TT	Nội dung	Số tiền
1	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	33.339.891
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (2.1-2.2)	10.725.044.665
2.1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	11.394.783.858
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	669.739.193
3	Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm 2020 chuyển sang	2.960.971.317
4	Lợi nhuận trích quỹ (2+3)	13.686.015.982
5	Phân phối các quỹ (5.1+5.2)	2.200.000.000
5.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.000.000.000
5.2	Quỹ thưởng của người quản lý công ty	200.000.000
6	Lợi nhuận dự kiến chia cổ tức (4-5)	11.486.015.982
7	Tỷ lệ cổ tức (6/1)	3%

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Ngô Tấn Hồng

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021 của HĐQT và BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, BKS trong năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021 của HĐQT và BKS, cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng

T T	HĐQT, BKS	Thù lao tháng	Tiền lương tháng	Số người	Số tháng	Thù lao, tiền lương/ năm
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		35.100.000	1	12	421.200.000
2	Trưởng BKS chuyên trách		31.200.000	1	12	374.400.000
3	Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	5.980.000		7	12	502.320.000
	Tổng cộng:					1.297.920.000

Ghi chú: Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và thù lao của Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách theo mức tối đa (đã bao gồm hệ số tăng thêm 0,3 quy định tại mục 3.b, điều 71 của quyết định số 96/QĐ-EVN ngày 26/3/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

THÔNG BÁO

V/v: Danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan và lợi ích có liên quan với Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều 164 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Hội đồng quản trị kính thông báo Đại hội đồng cổ đông danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan và lợi ích có liên quan với Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST), như sau:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại PC3-INVEST	Lợi ích có liên quan với PC3-INVEST
I	Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ		
1	Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVNCPC)	Không	Là Bên mua điện từ năm 2010
2	Trương Thiết Hùng - Chủ tịch EVNCPC	Không	Không có
3	Ngô Tấn Cư - Tổng Giám đốc EVNCPC	Không	Không có
II	Người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp		
1	Ông: Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch HĐQT	
1.1	Vợ - Nguyễn thị Kim Thủy	Không	Không có
1.2	Ba vợ - Nguyễn Văn Mới	Không	Không có
1.3	Mẹ vợ - Nguyễn Thị Sinh	Không	Không có
1.4	Con ruột - Ngô Tấn Hưng	Không	Không có
1.5	Chị ruột - Ngô Thị Thanh	Không	Không có
1.6	Anh rể - Nguyễn Nha	Không	Không có
1.7	Chị ruột - Ngô Thị Thoại	Không	Không có
1.8	Anh rể - Võ Tấn Sơn	Không	Không có
1.9	Anh ruột - Ngô Tấn Châu	Không	Không có
1.10	Chị dâu - Trương thị Liên	Không	Không có
1.11	Em ruột - Ngô Thị Nguyệt	Không	Không có
1.12	Em rể - Trần Gia Huy	Không	Không có
1.13	Em ruột - Ngô Thị Lăng	Không	Không có
1.14	Em rể - Lê Tất Chinh	Không	Không có
2	Ông: Nguyễn Lương Minh	Thành viên HĐQT- TGD	
2.1	Cha đẻ - Nguyễn Lương Mỹ	Không	Không có
2.2	Mẹ đẻ - Trần Thị Diệu Khuê	Không	Không có

2.3	Vợ - Nguyễn Thị Lan Giao	Không	Không có
2.4	Cha vợ - Nguyễn Từ	Không	Không có
2.5	Mẹ vợ - Nguyễn Thị Huy	Không	Không có
2.6	Con ruột - Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	Không	Không có
2.7	Con ruột - Nguyễn Thị Hạnh Đoan	Không	Không có
2.8	Chị ruột - Nguyễn Thị Mỹ Châu	Không	Không có
2.9	Anh rể - Nguyễn Đăng Trường	Không	Không có
2.10	Chị ruột - Nguyễn Thị Mỹ Trân	Không	Không có
2.11	Anh rể - Huỳnh Văn Lộc	Không	Không có
2.12	Chị ruột - Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Không	Không có
2.13	Anh rể - Nguyễn Công Đông	Không	Không có
2.14	Em ruột - Nguyễn Lương Giám	Không	Không có
2.15	Em dâu - Lê Thị Hoàng Chinh	Không	Không có
3	Ông: Trần Nhất Thắng	Thành viên HĐQT	
3.1	Mẹ ruột - Nguyễn Thị Tô	Không	Không có
3.2	Mẹ vợ - Phan Thị Liễu	Không	Không có
3.3	Vợ - Trần Thị Thanh Phương	Không	Không có
3.4	Con - Trần Nhất Long	Không	Không có
3.5	Con - Trần Bảo Quyên	Không	Không có
3.6	Em ruột - Trần Thị Thanh Lợi	Không	Không có
3.7	Em rể - Lê Công Lý	Không	Không có
4	Ông: Trần Đăng Hiền	Thành viên độc lập HĐQT	
4.1	Mẹ ruột - Nguyễn Thị Át	Không	Không có
4.2	Mẹ vợ - An Thị Mão	Không	Không có
4.3	Vợ - Ngô Xuân Thùy	Không	Không có
4.4	Con - Trần Đức Huy	Không	Không có
4.5	Con - Trần Thị Ngọc Khánh	Không	Không có
4.6	Anh ruột - Trần Văn Minh	Không	Không có
4.7	Chị dâu - Huỳnh Thu Hương	Không	Không có
4.8	Chị ruột - Trần Thị Kim Thoa	Không	Không có
4.9	Anh rể - Trần Minh Quang	Không	Không có
4.10	Em ruột - Trần Đăng Hậu	Không	Không có
4.11	Em ruột - Trần Quốc Chiến	Không	Không có
4.12	Em dâu - Hoàng Thị Thanh Linh	Không	Không có
4.13	Em ruột - Trần Đăng Thắng	Không	Không có
4.14	Em dâu - Quách Thị Ninh	Không	Không có
5	Ông: Nguyễn Trọng Vĩnh	Thành viên độc lập HĐQT	
5.1	Cha ruột - Nguyễn Trọng Minh	Không	Không có
5.2	Mẹ ruột - Đoàn Thị Tám	Không	Không có
5.3	Vợ - Phan Thị Cẩm Tú	Không	Không có
5.4	Con - Nguyễn Trọng Hồng Phúc	Không	Không có
5.5	Con - Nguyễn Trọng Ngọc Quang	Không	Không có
5.6	Chị - Nguyễn Thị Ánh Trâm	Không	Không có
5.7	Anh rể - Đỗ Thanh Hà	Không	Không có

5.8	Em - Nguyễn Trọng Sinh	Không	Không có
5.9	Em dâu Nguyễn Thị Thanh Thảo	Không	Không có
5.10	Em - Nguyễn Trọng Khánh	Không	Không có
5.11	Em dâu Phạm Thị Hồng Sương	Không	Không có
5.12	Em - Nguyễn Thị Ánh Vân	Không	Không có
5.13	Em rể Nguyễn Đình Chi	Không	Không có
6	Bà: Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	
6.1	Cha đẻ - Nguyễn Quang Thường	Không	Không có
6.2	Mẹ đẻ - Đỗ Thị Oanh	Không	Không có
6.3	Bố chồng - Trần Đình Thi	Không	Không có
6.4	Chồng - Trần Đình Thắng	Không	Không có
6.5	Con ruột - Trần Đình Khánh	Không	Không có
6.6	Em ruột - Nguyễn Thị Hiền	Không	Không có
6.7	Em rể - Nguyễn Tất Đạt	không	Không có
6.8	Em ruột - Nguyễn Quý Dương	Không	Không có
6.9	Em dâu - Vũ Thị Hiền	Không	Không có
6.10	Em ruột - Nguyễn Việt Đức	Không	Không có
6.11	Em dâu - Phạm Đỗ Tường Vy	Không	Không có
7	Ông: Nguyễn Minh Hoài	Trưởng ban kiểm soát	
7.1	Cha đẻ - Nguyễn Minh Sỹ	Không	Không có
7.2	Mẹ đẻ - Nguyễn Thị Thia	Không	Không có
7.3	Bố vợ: Phạm Chí Linh	Không	Không có
7.4	Mẹ vợ: Đồng Thị Hoài	Không	Không có
7.5	Vợ - Phạm Thị Kim Thoa	Không	Không có
7.6	Em ruột - Nguyễn Minh Nam	Không	Không có
7.7	Em Dâu: Trần Thị Hồng Sen	Không	Không có
7.8	Em ruột - Nguyễn Thị Thùy Linh	Không	Không có
7.9	Em rể: Nguyễn Hữu Việt	Không	Không có
8	Bà: Trần Thị Minh Hà	Kiểm soát viên	
8.1	Cha ruột - Trần Hoàng	Không	Không có
8.2	Mẹ ruột - Phạm Thị Diệu	Không	Không có
8.3	Em - Trần Thị Minh Hiền	Không	Không có
9	Bà: Huỳnh Thị Kim Hoàng	Kiểm soát viên	
9.1	Cha ruột - Huỳnh Tấn Hùng	Không	Không có
9.2	Mẹ ruột - Nguyễn Thị Tuyết	Không	Không có
9.3	Chồng - Lê Đình Dương	Không	Không có
9.4	Con - Lê Hoàng Lâm	Không	Không có
9.5	Anh - Huỳnh Tấn Anh Huy	Không	Không có
9.6	Em - Huỳnh Thị Ý Nhi	Không	Không có
10	Ông: Nguyễn Dương Long	Phó Tổng giám đốc	
10.1	Cha đẻ - Nguyễn Thanh Quang	Không	Không có
10.2	Vợ - Phạm Thị Thu Nga	Không	Không có
10.3	Anh ruột - Nguyễn Dương Hải	Không	Không có
10.4	Chị dâu- Phan Thị Thu Hoa	Không	Không có

10.5	Em ruột - Nguyễn Dương Đại	Không	Không có
10.6	Em dâu - Lý Thị Hoa	Không	Không có
10.7	Em ruột - Nguyễn Dương Hiếu	Không	Không có
10.8	Em dâu - Ngô Thị Xuân Hương	Không	Không có
11	Ông: Phạm Sĩ Huân	Phó Tổng giám đốc	
11.1	Mẹ đẻ - Trần Thị Thi	Không	Không có
11.2	Mẹ vợ - Trần Thị Tuyết	Không	Không
11.3	Vợ - Trần Thị Vi Hiến	Không	Không có
11.4	Con ruột - Phạm Sĩ Luân	Không	Không có
11.5	Con ruột - Phạm Thị Thảo Vi	Không	Không có
11.6	Em ruột - Phạm Sĩ Lâm	Không	Không có
11.7	Em ruột - Phạm Thị Anh Thư	Không	Không có
11.8	Em rể - Hồ Thanh Hiệp	Không	Không có
11.9	Em ruột - Phạm Thị Thùy Anh	Không	Không có
11.10	Em rể - Nguyễn Văn Thanh	Không	Không có
12	Bà: Đặng Thị Thu Nga	Kế toán trưởng	
12.1	Cha đẻ - Đặng Minh Tâm	Không	Không có
12.2	Mẹ đẻ - Nguyễn Thị Dung	Không	Không có
12.3	Anh ruột - Đặng Hồng Quân	Không	Không có
12.4	Chị dâu - Lê Thị Mỹ Hạnh	Không	Không có
12.5	Anh ruột - Đặng Chiến Thắng	Không	Không có
12.6	Chị dâu - Lâm Hải Yên	Không	
13	Ông Lê Trung Khoa	Thư ký HĐQT, Người phụ trách quản trị Công ty	
13.1	Cha đẻ: Lê Văn Hòa	Không	Không có
13.2	Vợ: Lê Thị Thu Thảo	Không	Không có
13.3	Cha vợ: Lê Lai	Không	Không có
13.4	Mẹ vợ: Nguyễn Thị Hoa	Không	Không có
13.5	Con ruột: Lê Huy Long	Không	Không có
13.6	Con ruột: Lê Minh Huy	Không	Không có
13.7	Chị ruột: Lê Thị Ước	Không	Không có
13.8	Anh rể: Nguyễn Văn Minh	Không	Không có
13.9	Chị ruột: Lê Thị Yên	Không	Không có
13.10	Anh rể: Trần Đình Nam	Không	Không có
13.11	Chị ruột: Lê Thị Yên	Không	Không có
13.12	Anh rể: Nguyễn Văn Dũng	Không	Không có
13.13	Anh ruột: Lê Văn Đức	Không	Không có
13.14	Chị dâu: Văn Thị Tâm	Không	Không có
13.15	Anh ruột: Lê Văn Dục	Không	Không có
13.16	Chị dâu: Nguyễn Thị Thu Sơn	Không	Không có
13.17	Anh ruột: Lê Văn Hùng	Không	Không có
13.18	Chị dâu: Trần Thị Phụng	Không	Không có
13.19	Anh ruột: Lê Thành Đạt	Không	Không có
13.20	Chị dâu: Trần Thị Tuyết Mai	Không	Không có

13.21	Chị ruột: Lê Thị Tâm Vy	Không	Không có
13.22	Anh rể: Nguyễn Quang Vinh	Không	Không có

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng